| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 47/2023/DS-PT
Ngày 11-9-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và chấm dứt hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Ông Vi Đức Trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLPT-DS, ngày 31-7-2022, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và chấm dứt hành vi tranh chấp. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/ST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Chu Thị B. Cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lương Thị H: Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn Đ. Cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mã Văn B; có mặt.

2. Anh Mã Minh T; vắng mặt.

3. Anh Mã Minh T; vắng mặt.

5. Bà Hứa Thị M; vắng mặt.

6. Bà Nông Thị C; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Bà Lý Ngọc B, tên gọi khác Lý Thị B. Cư trú tại: Thôn N, xã G, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Bà Lý Thị Thọ. Cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Lý Thị N. Cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Uỷ ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn

*Người đại diện theo uỷ quyền*: Bà Phạm Thị Phương T: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản uỷ quyền ngày 16-01-2023); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Chu Thị B, là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Chu Thị B là vợ của ông Mã Văn B. Họ có hai người con là anh Mã Minh T, anh Mã Minh T1.

Bà Nông Thị C là vợ của ông Lý Văn K (đã chết năm 1988). Họ có 04 người còn, gồm có: Bà Lý Thị T, bà Lý Ngọc B, tên gọi khác Lý Thị B, bà Lý Thị N, ông Lý Văn Đ. Bà Hứa Thị M là vợ ông Lý Văn Đ.

Theo Biểu thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất, nhận rừng năm 1998 thôn K, xã X, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và Sổ lâm bạ thể hiện: Lô 175, diện tích 2,18ha giao cho Mã Văn B. Lô 188, diện tích 0,95ha giao cho Hoàng Văn Y. Lô 189, diện tích 0,89ha giao cho Lý Văn D. Lô 190, diện tích 1,95ha giao cho Lý Văn T (viết tắt là lô 190). Lô 191, diện tích 0,91ha giao cho Hoàng Văn B.

Theo Hồ sơ thiết kế và bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt-Đức năm 1998 thôn K, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Thửa đất số 13a, diện tích 2,0ha giao cho Mã Văn B. Thửa đất số 24, diện tích 0,95ha giao cho Hoàng Văn Y. Thửa đất số 08, diện tích 0,88ha giao cho Lý Văn D. Thửa đất số 07 diện tích 0,92ha (viết tắt là thửa đất số 07) giao cho Lý Văn T. Thửa đất số 06, diện tích 0,87ha giao cho Hoàng Văn B.

Theo Sổ mục kê đất đai xã X và Bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất lâm nghiệp thôn K năm 1999 can Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt-Đức năm 1998 thể hiện: Thửa đất số 09, tờ bản đồ 02 diện tích 20.000,0m$^2$ được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) cho ông Mã Văn B ngày 08-10-1999. Thửa đất số 18, tờ bản đồ 02 diện tích 9.500,0m$^2$ được cấp GCN cho ông Hoàng Văn Y ngày 08-10-1999. Thửa đất số 16, tờ bản đồ 02 diện tích 8.800,0m$^2$ được cấp GCN cho ông Lý Viết V ngày 08-10-1999. Thửa đất số 17, tờ bản đồ 02 diện tích 9.200,0m$^2$ (viết tắt là thửa đất số 17) được cấp GCN cho bà Nông Thị C ngày 08-10-1999. Thửa đất số 23, tờ bản đồ 02 diện tích 8.700m$^2$ được cấp GCN cho ông Hoàng Văn B ngày 08-10-1999.

Theo Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn năm 2008 thể hiện: Thửa đất số 14, diện tích 17.688,0m$^2$ đất rừng sản xuất được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho gia đình ông Mã Văn B ngày 05-10-2010. Thửa đất số 50, diện tích 10.940,0m$^2$ đất rừng sản xuất được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Hoàng Văn Y ngày 05-10-2010. Thửa đất số 46, diện tích 15.473,0m$^2$ đất rừng sản xuất được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Lý Công T ngày 05-10-2010. Thửa đất số 57, diện tích 13.095,0m$^2$ đất rừng sản xuất được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Hoàng Văn B ngày 05-10-2010. Thửa đất số 77, diện tích 135.049m$^2$ đất DCS-Ia chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân hộ gia đình nào. Theo bản đồ địa chính, sổ mục kê thửa đất trên quy chủ sử dụng là Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số 55, diện tích 14.496,0m$^2$ đất rừng sản xuất (viết tắt là thửa đất số 55) được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M ngày 05-10-2010. Ngày 14-10-2021 thể hiện những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Đổi tên xã X thành xã K, số tờ bản đồ thay đổi từ tờ số 01 (xã X) thành tờ số 122 (xã K).

Biên bản xác minh ngày 13-6-2023 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Tại thời điểm năm 1997, 1998 các hộ dân trong thôn K, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không có ai tên là Lý Văn T, chỉ có tên là Lý Thị T con gái của bà Nông Thị C. Việc giao lô đất có ghi tên là Lý Văn T là do nhầm lẫn trong việc ghi tên trên sổ sách.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16-12-2022 thể hiện: Trên đất tranh chấp 3.674,0m$^2$ có 02 phần đất, một phần đất 2.105,0m$^2$ có cây thông, một phần đất 1.569,0m$^2$ không có cây thông, chủ yếu là đất đá và dốc. Phần diện tích đất không có cây thông nguyên đơn và bị đơn đều không trồng cây gì trên đất. Đối với phần diện tích đất có cây thông thể hiện có 02 loại cây thông, một loại có đường kính gốc từ 20 đến 30cm (180 cây) và một loại cây thông có đường kích gốc dưới 05cm (360 cây), được trồng thành các hàng.

Kết luận giám định tuổi cây ngày 22-12-2022 của ông Triệu Lương H là người giám định tư pháp theo vụ việc, kết luận: Mẫu cây thông có tuổi là: 16 ± 1 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là năm 2006, sai số ước tính có thể cộng hoặc trừ 01 năm tuổi.

Kết luận giám định tư pháp ngày 17-3-2023 và Thông tin bổ sung và giải thích kết luận giám định ngày 06-6-2023 của giám định viên Hoàng Tiến L thể hiện: Đất tranh chấp tại địa danh khu đồi L, thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là 3.674,0m$^2$ không liên quan đến lô số 190 bản đồ giao đất lâm nghiệp xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và cũng không liên quan đến thửa đất số 17 bản đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp thôn K tỷ lệ 1:5000. Diện tích đất tranh chấp 3.674,0m$^2$ trên bản đồ giao đất lâm nghiệp và bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp xã X được thể hiện là rừng tự nhiên (hoặc đất trống chưa giao). Tại thời điểm giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận thì phần diện tích tranh chấp 3.674,0m$^2$ chưa được cấp có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân nào quản lý, sử dụng. Trong quá trình thực hiện dự án theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 02-8-2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Dự án thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 và hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp từ tư liệu bản đồ địa chính cơ sở dữ liệu 1:10.000 tỉnh Lạng Sơn thì phần diện tích đất tranh chấp 3.674,0m$^2$ được đo gộp trong thửa số 55, tờ bản đồ số 01 tỷ lệ 1:10.000 xã X (nay là xã K), huyện L và đã được cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M.

Tại cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn xác định đất tranh chấp có diện tích khoảng 9.000,0m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 55 đã được cấp GCNQSDĐ cho bị đơn. Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất do gia đình nguyên đơn tự khai phá năm 2003. Vào trước năm 2003, khu đất này là đất bỏ hoang không ai quản lý, là bãi chăn thả của thôn, trên đất chỉ có cây sim, cây mua, cây ràng ràng và cỏ dại, gia đình nguyên đơn đi phát cây thành hàng rãnh (đường băng). Năm 2004 gia đình nguyên đơn trồng khoảng 300 cây thông con trên toàn bộ phần diện tích tranh chấp. Cây thông con do vợ chồng nguyên đơn tự đi nhặt ở các đồi khác về trồng, hàng năm vợ chồng nguyên đơn tiến hành trồng dặm, năm 2018 là năm trồng dặm cuối cùng. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn xác định đất tranh chấp có diện tích 3.674,0m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 55.

Đất tranh chấp có một phần giáp ranh với khu đất của bị đơn. Năm 1998 chị gái bị đơn được giao rừng, giao cây thông trồng theo Dự án rừng Việt-Đức (viết tắt là Dự án) cùng các hộ gia đình khác trong thôn. Sau khi chị gái bị đơn đi lấy chồng thì bị đơn quản lý khu đất của gia đình. Gia đình nguyên đơn cũng được giao cây theo Dự án ở khu đồi khác, không thuộc khu đất đang có tranh chấp. Gia đình ông Hoàng Văn B, ông Lý Viết V và một số gia đình khác cũng được giao đất theo Dự án, giáp với đất tranh chấp. Phần diện tích đất giáp ranh với gia đình bị đơn thì gia đình nguyên đơn để khoảng 10m làm ranh giới giữa hai thửa đất, hiện ranh giới này vẫn còn trên đất. Trên phần đất của nhà bị đơn thì bị đơn đã khai thác nhựa thông từ năm 2010. Đến năm 2021 thì khai thác toàn bộ gỗ thông đã trồng theo Dự án. Còn phần đất đang có tranh chấp của gia đình nguyên đơn từ năm 2003 đến nay chưa khai thác nhựa và gỗ thông, các gia

đình có đất giáp ranh với đất tranh chấp trồng theo Dự án hiện nay đã khai thác chặt cây thông toàn bộ. Đến tháng 3-2022 thì nguyên đơn phát hiện bị đơn chặt, đẽo vỏ 22 cây thông dẫn đến tranh chấp cho đến nay. Nguyên đơn chưa đi kê khai cấp GCNQSDĐ đối với đất tranh chấp là do đây là bãi chăn thả không được cấp GCNQSDĐ và do không hiểu biết quy định của pháp luật. Việc cấp GCNQSDĐ đất tranh chấp cho gia đình bị đơn là không đúng diện tích, không đúng đối tượng sử dụng đất, có cây trồng trên đất của nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng 3.674,0m$^2$ đất thuộc một phần thửa đất số 55 và sở hữu các cây thông trên đất; yêu cầu huỷ một phần GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M đối với 3.674,0m$^2$ đất tranh chấp; yêu cầu gia đình bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đất; yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại đối với 22 cây thông tổng trị giá là 2.574.000đồng. Đối với 03 cây thông bị đơn đã chặt, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định cây thông là 7.850.000đồng. Chi phí tố tụng còn lại nguyên đơn đã nộp là 17.150.000đồng thì đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Lý Văn Đ trình bày: Năm 1997 bà Nông Thị C (mẹ bị đơn) được Nhà nước giao đất và giao cây thông theo Dự án rừng Việt-Đức. Đất của gia đình bị đơn quản lý bắt đầu từ chân đồi lên đến đỉnh đồi. Người đi nhận đất là bà Lý Thị B (chị gái của bị đơn). Trước năm 1998 trên khu đồi L chỉ có cây cỏ, cây sim, cây mua, cây tạp nhỏ, không có cây thông. Năm 1998, bị đơn có được cùng mẹ và chị gái Lý Thị B1, Lý Thị N đi trồng cây thông trên thửa đất được giao vào năm 1997. Giống cây thông con là do Nhà nước giao theo Dự án, nhưng phần diện tích đất tranh chấp gia đình bị đơn không trồng cây thông, do là Nhà nước cấp không đủ giống cây. Sau đó các chị gái đi lấy chồng, bản thân bị đơn đi học nên không trồng thêm cây gì trên đất và đây là phần đất để làm đường băng cản lửa không ai được phép trồng thông vào, nên bị đơn chỉ quản lý, thỉnh thoảng phát quang, tỉa cành, hái củi trên đất tranh chấp. Đến năm 2005, bị đơn lấy vợ nhưng vẫn chưa có điều kiện trồng thông trên đất tranh chấp. Gia đình nguyên đơn cũng có một thửa đất ở khu đồi L cách đất tranh chấp khoảng 500m. Bãi chăn thả ở phía bên kia đồi, không phải phần đất tranh chấp. Gia đình bị đơn đã khai thác nhựa thông đối với cây thông trồng theo Dự án từ khoảng năm 2008, 2009 đến năm 2016. Năm 2021 gia đình bị đơn khai thác toàn bộ gỗ thông đã trồng Dự án.

Tháng 01 năm 2022, bị đơn tiến hành trồng cây thông con trên toàn bộ phần đất đã khai thác thông trồng theo Dự án trước đó. Đối với đất tranh chấp có cây thông nhưng bị đơn không khai thác vì cây chưa đủ tuổi để lấy nhựa và lấy gỗ. Khoảng vài tháng sau bị đơn có gọt vỏ cây thông nhưng không nhớ chính xác là 24 hay 25 cây thông và không được chặt cây thông nào vì sợ đổ xuống những cây thông con bị đơn mới trồng gần đó. Bị đơn và gia đình không ai nhìn thấy gia đình nguyên đơn trồng cây thông trên đất tranh chấp. Bị đơn có được nhắc chồng nguyên đơn là ông Mã Văn B 02 lần về việc trồng cây thông trên đất của gia đình bị đơn. Lần 1 khoảng năm 2007 khi phát đường băng cản lửa tại

diện tích đất tranh chấp thì phát hiện trên đất có khoảng một đến hai hàng cây thẳng hàng. Do trước đó bị đơn có nhìn thấy ông Mã Văn B gánh cây thông con đi qua nên nghĩ là ông Mã Văn B trồng thông trên đất của gia đình mình. Bị đơn có được hỏi trực tiếp tại nhà của ông Lý Xuân D thì ông Mã Văn B trả lời là không được trồng trên đất của gia đình bị đơn mà chỉ trồng trên đất của Nhà nước. Nên bị đơn cho rằng cây thông trên đất không phải là của gia đình nguyên đơn trồng, không thấy ai có ý kiến gì về số cây thông trên đất nên bị đơn không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Lần 2 vào năm 2021 khi bị đơn gặp ông Mã Văn B trên đường đi cạo nhựa thông, bị đơn có hỏi lại cây thông trên đất tranh chấp có phải là cây thông của ông trồng không thì ông Mã Văn B không nói gì và đi vào rừng. Hai bên gia đình bắt đầu xảy ra tranh chấp từ năm 2022 cho đến nay. Trước đây bị đơn cho rằng cây thông trên đất là phát tán tự mọc do bị đơn không nhìn thấy ai trồng, bị đơn có hỏi nhưng ông Mã Văn B cho rằng không trồng thông và cũng không thấy ai ý kiến gì về cây thông trên đất. Bị đơn không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng số tiền 2.250.000đồng đã nộp tạm ứng. Chi phí tố tụng còn lại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Mã Văn B, anh Mã Minh T, anh Mã Minh T1 trình bày: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Bà Nông Thị C, bà Lý Ngọc B, bà Lý Thị T, bà Lý Thị N, bà Hứa Thị M nhất trí với ý kiến bị đơn đưa ra.

Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trình bày: GCNQSDĐ cấp ngày 05-10-2010 cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M đối với thửa đất số 55 được cấp đổi từ GCNQSDĐ cấp vào năm 1999 cho bà Nông Thị C đối với thửa đất số 17 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm đo đạc và cấp GCNQSDĐ không có yêu cầu chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên đất. Quá trình kê khai, niêm yết, cấp GCNQSDĐ không có khiếu nại, không phát sinh tranh chấp. Qua đối chiếu cảm quan bằng mắt thường, nhận thấy vị trí của thửa đất số 17 có vị trí tương quan với thửa đất số 55. Việc chênh lệch về diện tích giữa hai loại bản đồ trên do thời điểm thành lập các loại bản đồ khác nhau, kỹ thuật khác nhau, độ chính xác cũng khác nhau.

Người làm chứng ông Chu Văn H trình bày: Ông là trưởng thôn K thời điểm năm 1997, 1998. Vào năm 1997 có Dự án về việc giao đất rừng cho các hộ gia đình trong thôn K. Thôn đã tiến hành họp các hộ gia đình, phân lô đóng cọc bốc thăm bằng giấy. Gia đình bị đơn có bà Lý Ngọc B bốc thăm trúng vào lô thứ 7. Gia đình ông Mã Văn B cũng bốc thăm được 01 lô nhưng cách xa lô mà nhà bị đơn bốc trúng. Trước khi phân ra thành từng lô đất thì tất cả các hộ gia đình trong thôn cùng nhau đi phát và phân ra thành từng lô trước, sau khoảng 02 tháng kể từ ngày bốc thăm nhận lô mới tiến hành đo đạc. Theo Dự án là phải có băng cản lửa, tính theo giông trên đỉnh đồi là băng cản lửa của dự án, phần băng cản lửa không ai được trồng thông, nhưng thuộc lô đất của ai thì người đó quản lý vì phải chịu trách nhiệm phát băng cản lửa.

Người làm chứng ông Hoàng Văn B, ông Lý Công T, ông Lý Minh H trình bày: Theo Dự án mỗi hộ gia đình trong thôn đều được nhận 01 lô đất. Gia đình các ông cũng bốc được 01 lô đất giáp ranh với phần diện tích đất tranh chấp, lô đất được giao đều có một phía giáp khe đồi (khe suối), một phía là trên đỉnh đồi, phía trên đỉnh đồi là băng cản lửa. Bãi chăn thả nằm ở phía bên kia đồi, không thuộc khu đồi L, quá trình quản lý diện tích đất tranh chấp như thế nào thì họ không nắm được.

Người làm chứng ông Lý Xuân D cho rằng có được nghe cuộc nói chuyện giữa bị đơn và ông Mã Văn B nói chuyện về đất rừng, còn nói chính xác từng câu thì ông không nhớ được, quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp thì ông không rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 21-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp 3.674,0m$^2$ đất thuộc một phần thửa đất số 55 và sở hữu tài sản trên đất tranh chấp là 518 cây thông; không chấp nhận yêu cầu gia đình bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với đất; chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản. Bị đơn phải thanh toán giá trị 518 cây thông cho gia đình nguyên đơn với tổng số tiền 24.246.000đồng. Bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản là 22 cây thông cho gia đình nguyên đơn là 2.574.000đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 03 cây thông bị chặt trên đất. Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; huỷ một phần GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp ngày 05-10-2010 cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M thửa đất số 55 đối với diện tích đất tranh chấp là 3.674m$^2$; yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bị đơn phải bồi thường số cây đã chặt, chấm dứt hành vi tranh chấp; bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B được quản lý, sử dụng diện tích 3.674,0m$^2$ đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 55 và được quyền sở hữu tài sản 518 cây thông trên đất. Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu trên. Hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên. Hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên với hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B. Bị đơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 22 cây thông với tổng trị giá là 2.574.000đồng cho nguyên đơn. Về

chi phí tố tụng: Bị đơn tự nguyện chịu số tiền 10.800.000đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 16.450.000đồng. Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền là 8.550.000đồng. Xác nhận bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn tổng cộng 11.124.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với toàn bộ ý kiến và nội dung thỏa thuận của nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, có đương sự vắng mặt không có lý do hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B được quản lý, sử dụng diện tích 3.674,0$m^2$ đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 55 và được quyền sở hữu tài sản 518 cây thông trên đất. Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu trên. Hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên. Hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên với hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B. Bị đơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 22 cây thông với tổng trị giá là 2.574.000đồng cho bị đơn. Về chi phí tố tụng: Bị đơn tự nguyện chịu số tiền 10.800.000đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 16.450.000đồng. Bị đơn

phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền là 8.550.000đồng (xác nhận bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn tổng cộng 11.124.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm). Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 21-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 36, Điều 73, Điều 79 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ các Điều 4, Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 105, Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều 4, Điều 5, Điều 26, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 106, Điều 158, Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 221, Điều 235, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 468 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 5, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**I. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất và thanh toán giá trị tài sản trên đất**

1. Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B được quản lý, sử dụng diện tích 3.674m$^2$ đất rừng sản xuất tại khu đồi L, thôn K, xã K, huyện L tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 55 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 391081, số vào sổ cấp GCN: CH00081 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05-10-2010 cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M. Ngày 14-10-2021 thể hiện những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Đổi tên xã X thành xã K, số tờ bản đồ thay đổi từ tờ số 01 (xã X) thành tờ số 122 (xã K). Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B được quyền sở hữu tài sản gắn liền đất gồm có 518 cây thông, trong đó có 158 cây thông có đường kính gốc từ 20cm đến 30cm và 360 cây thông có đường kính gốc dưới 05cm, trên diện tích đất nêu trên. Diện tích 3.674,0m$^2$ đất rừng sản xuất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A, B, C, D, E, F, G, H thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án.

2. Hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại mục I.1 theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu tại mục I.1 theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Hộ ông Lý Văn Đ và bà Hứa Thị M chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại mục I.1 với hộ bà Chu Thị B và ông Mã Văn B.

5. Ông Lý Văn Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 22 cây thông với tổng trị giá là 2.574.000đồng cho bà Chu Thị B. Xác nhận ông Lý Văn Đ đã trả cho bà Chu Thị B số tiền 2.574.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

**II. Về chi phí tố tụng:**

Bà Chu Thị B tự nguyện chịu số tiền 16.450.000đồng về việc chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định. Xác nhận bà Chu Thị B đã nộp số tiền 25.000.000đồng.

Ông Lý Văn Đ tự nguyện chịu số tiền 10.800.000đồng về việc chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định. Xác nhận ông Lý Văn Đ đã nộp số tiền 2.250.000đồng. Sau khi khấu trừ, ông Lý Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại cho bà Chu Thị B số tiền là 8.550.000đồng. Xác nhận ông Lý Văn Đ đã trả cho bà Chu Thị B số tiền 8.550.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

**III. Về án phí**

1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Chu Thị B tự nguyện chịu tổng cộng 600.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 07-11-2022 bà Chu Thị B đã nộp 650.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng áp phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0005203 tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ hoàn trả lại bà Chu Thị B số tiền 50.000đồng (năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Chu Thị B phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 18 tháng 7 năm 2023, bà Chu Thị B đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005287 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bà Chu Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. L, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tạ DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(đã ký)***

**Nguyễn Thị Hoa**